

THÔNG BÁO

Phương thức tuyển sinh trình độ đại học hình thức chính quy năm 2025

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-BGDĐT ngày 19/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2025;

Căn cứ Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học.

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường) thông báo Phương thức tuyển sinh trình độ đại học hình thức chính quy năm 2025 như sau:

I. Phương thức tuyển sinh: có 5 phương thức:

1. Phương thức 1: tuyển thẳng, xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường (**mã phương thức xét tuyển 301**), bao gồm:

a) Thí sinh (được tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đoạt giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia, quốc tế) thuộc diện được “tuyển thẳng, xét tuyển thẳng” theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Trường, đăng ký học ngành đào tạo phù hợp với môn đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Bộ) tổ chức hoặc cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm theo quy định của Bộ; và **đã tốt nghiệp THPT trong năm 2025**. Cụ thể như sau:

(i) Môn Ngữ văn, Toán và tiếng Anh: đối với ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Luật, ngành Luật thương mại quốc tế, ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Kinh doanh quốc tế và ngành Tài chính - Ngân hàng;

(ii) Môn tiếng Nhật và tiếng Pháp: đối với ngành Luật;

(iii) Môn Vật lý: đối với ngành Luật, ngành Luật thương mại quốc tế, ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Kinh doanh quốc tế và ngành Tài chính - Ngân hàng;

(iv) Môn Hóa học: đối với ngành Luật, ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Kinh doanh quốc tế và ngành Tài chính - Ngân hàng;

(v) Môn Lịch sử: đối với ngành Ngôn ngữ Anh và ngành Luật;

(vi) Môn Địa lý: đối với ngành Luật.

b) Thí sinh (là người khuyết tật nặng; người dân tộc thiểu số rất ít người; thuộc 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ; có nơi thường trú từ 03 năm trở lên, học 03 năm tại trường phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; người nước ngoài) thuộc diện được “xét tuyển thẳng” theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Trường;

c) Thí sinh (đoạt giải khuyến khích cấp quốc gia) thuộc diện được “ưu tiên xét tuyển” theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Trường. **Điều kiện:**

- (i) Môn đoạt giải phải có trong Tổ hợp môn đăng ký xét tuyển;
- (ii) Có tổng số điểm của 03 môn thi trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 thuộc Tổ hợp môn đăng ký xét tuyển đạt từ 22,5 điểm trở lên (đã bao gồm điểm ưu tiên theo khu vực và theo đối tượng chính sách), trong đó điểm của môn mà thí sinh đã đoạt giải khuyến khích phải đạt từ 7,0 điểm trở lên trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025;
- (iii) Thời gian đoạt giải không quá 03 năm, tính đến năm nộp hồ sơ ưu tiên xét tuyển;
- (iv) Chưa thực hiện việc xác nhận nhập học trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ.

2. Phương thức 2: xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp trung học phổ thông với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc kết quả Kỳ thi SAT của Mỹ (**mã phương thức xét tuyển 410**). Những chứng chỉ này hoặc kết quả Kỳ thi SAT nếu có quy định về thời hạn thi phải còn giá trị **đến ngày 30/6/2025** và đạt đủ các tiêu chí, điều kiện sau đây:

- a) *Thứ nhất*, đã tốt nghiệp THPT;
- b) *Thứ hai*, có **tổng điểm trung bình cộng** của 6 học kỳ THPT (gồm năm Lớp 10, Lớp 11 và Lớp 12) của 03 môn thuộc Tổ hợp của ngành xét tuyển **đạt từ 22,5 trở lên** (tổng điểm trung bình cộng này được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân), trong đó kết quả học tập năm Lớp 12 của thí sinh phải có trọng số tính điểm xét không dưới 25%. Điểm của tiêu chí này **được quy đổi tương đương với** “tổng điểm của 03 môn (thuộc Tổ hợp xét tuyển) trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025”. Mức quy đổi tương đương được Trường xác định ngay sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố các số liệu thống kê về “*tương quan giữa điểm các môn thi tốt nghiệp THPT với điểm trung bình các môn học ở THPT*”;

c) *Thứ ba*, có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (**tiếng Anh/ hoặc tiếng Pháp/ hoặc tiếng Nhật**), hoặc có kết quả **Kỳ thi SAT**:

- (i) Thí sinh phải đạt mức điểm như sau:
 - Đối với **tiếng Anh**: IELTS đạt điểm từ **5,5 trở lên**, do British Council (BC) hoặc International Development Program (IDP) cấp; hoặc TOEFL iBT đạt điểm từ **65 trở lên**, do Educational Testing Service (ETS) cấp;
 - Đối với **tiếng Pháp** (chỉ xét tuyển đối với ngành Luật): chứng chỉ DELF đạt từ trình độ **B1 trở lên**; hoặc chứng chỉ TCF đạt điểm từ **300 trở lên/ 01 kỹ năng**. Hai loại chứng chỉ này phải do Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP) cấp;
 - Đối với **tiếng Nhật** (chỉ xét tuyển đối với ngành Luật): chứng chỉ JLPT đạt từ trình độ **N3 trở lên**, do Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation - JF) cấp, trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật;
 - Đối với kết quả **Kỳ thi SAT** (Scholastic Aptitude Test) của Mỹ: đạt điểm từ **1.150 điểm trở lên /1.600 điểm**.

(ii) Điểm của tiêu chí, điều kiện nêu trên được quy đổi thành điểm cộng (tối đa 3,0 điểm) để xét tuyển, cụ thể như sau:

(*) Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh và kết quả Kỳ thi SAT của Mỹ:

Stt	Điểm chứng chỉ IELTS	Điểm chứng chỉ TOEFL iBT	Kết quả Kỳ thi SAT của Mỹ	Điểm cộng
1	5.5	65 - 72	1150 - 1200	2,00
2	6.0	73 - 80	1210 - 1260	2,25

Stt	Điểm chứng chỉ IELTS	Điểm chứng chỉ TOEFL iBT	Kết quả Kỳ thi SAT của Mỹ	Điểm cộng
3	6.5	81 - 88	1270 - 1320	2,50
4	7.0	89 - 95	1330 - 1380	2,75
5	7.5 trở lên	96 trở lên	1390 trở lên	3,00

(**) Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Pháp và tiếng Nhật:

Stt	Điểm chứng chỉ tiếng Pháp (DELF)	Điểm chứng chỉ tiếng Pháp (TCF)	Điểm chứng chỉ tiếng Nhật (JLPT)	Điểm cộng
1	B1	Tương đương B1	N3	2,0
2	B2	Tương đương B2	N2	2,5
3	C1 trở lên	Tương đương C1 trở lên	N1	3,0

d) *Thứ tư*, môn chính trong Tổ hợp môn dùng để xét tuyển phải có trọng số tính điểm xét không dưới 25%. Riêng đối với ngành Luật và ngành Luật thương mại quốc tế, môn chính trong Tổ hợp môn dùng để xét tuyển phải thỏa mãn cả 2 điều kiện sau đây: có trọng số tính điểm xét không dưới 25% và đạt tối thiểu là 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm.

Môn chính trong Tổ hợp môn dùng để xét tuyển được xác định như sau:

(i) Đối với các ngành đào tạo xét tuyển các tổ hợp gồm 03 môn, trong đó chỉ có môn Toán **hoặc** môn Ngữ văn thì “môn chính” trong Tổ hợp môn được xác định là môn Toán hoặc môn Ngữ văn;

(ii) Đối với các ngành đào tạo xét tuyển các tổ hợp gồm 03 môn, trong đó **có cả** môn Toán và môn Ngữ văn thì “môn chính” trong Tổ hợp môn được xác định như sau:

- Ngành Ngôn ngữ Anh: môn **Ngữ văn**;
- Ngành Luật, ngành Luật thương mại quốc tế, ngành Quản trị - Luật, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Tài chính - Ngân hàng và ngành Kinh doanh quốc tế: môn **Toán**.

3. Phương thức 3: xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp trung học phổ thông đối với thí sinh học tại các trường có tên trong “*Danh sách các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển năm 2025 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*” (**mã phương thức xét tuyển 200**), đạt đủ các tiêu chí, điều kiện sau đây:

a) *Thứ nhất*, đã tốt nghiệp THPT;

b) *Thứ hai*, phải **học đủ 3 năm** tại một trong các trường có tên trong “*Danh sách các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển năm 2025 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*”; và có kết quả học tập **của từng năm** Lớp 10, Lớp 11 và Lớp 12 đạt **mức Tốt** (hoặc được xếp **loại giỏi** đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2024 trở về trước);

c) *Thứ ba*, có **tổng điểm trung bình cộng** của 6 học kỳ THPT (gồm năm Lớp 10, Lớp 11 và Lớp 12) của 03 môn thuộc Tổ hợp của ngành xét tuyển **đạt từ 24,5 trở lên** (tổng điểm trung bình cộng này được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân), trong đó kết quả học tập năm Lớp 12 của thí sinh phải có trọng số tính điểm xét không dưới 25%. Điểm của tiêu chí này **được quy đổi tương đương với** “tổng điểm của 03 môn (thuộc Tổ hợp xét tuyển) trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025”. Mức quy đổi tương đương được Trường xác định ngay sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố các số liệu thống kê về “*tương quan giữa điểm các môn thi tốt nghiệp THPT với điểm trung bình các môn học ở THPT*”;

d) *Thứ tư*, môn chính trong Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: thực hiện theo Mục 2 nêu trên.

4. Phương thức 4: xét tuyển thí sinh có kết quả Kỳ thi V-SAT (Standardized University Admissions Test for Vietnam) do các đơn vị khác tổ chức để xét tuyển (**mã phương thức xét tuyển 417**), đạt đủ các tiêu chí, điều kiện sau đây:

- a) *Thứ nhất*, đã tốt nghiệp THPT;
- b) *Thứ hai*, có **kết quả Kỳ thi V-SAT** do các đơn vị phối hợp với Trung tâm Khảo thí Quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục, Cục Quản lý chất lượng (sau đây gọi tắt là Trung tâm) tổ chức trong năm 2025. Điểm của từng môn thi/ bài thi trong Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT **được quy đổi tương đương với** điểm của từng môn thi trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Mức quy đổi tương đương được áp dụng theo bảng quy đổi do Trung tâm công bố, sau khi có kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025;
- c) *Thứ ba*, môn chính trong Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: thực hiện theo Mục 2 nêu trên.

5. Phương thức 5: xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (**mã phương thức xét tuyển 100**), đạt đủ các tiêu chí, điều kiện sau đây:

- a) *Thứ nhất*, đã tốt nghiệp THPT;
- b) *Thứ hai*, có kết quả thi của các môn thi trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT **năm 2025** phù hợp với Tổ hợp môn đăng ký xét tuyển của Trường;
- c) *Thứ ba*, thực hiện việc đăng ký xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo đúng, đủ, hết quy trình và trong thời hạn quy định (từ ngày 16/7/2025 đến 17g00' ngày 28/7/2025);
- d) *Thứ tư*, nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng đăng ký bằng hình thức trực tuyến trong thời hạn quy định (từ ngày 29/7/2025 đến 17g00' ngày 05/8/2025);
- đ) *Thứ năm*, môn chính trong Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: thực hiện theo Mục 2 nêu trên.
- e) *Thứ sáu*, một số lưu ý: Trường **không sử dụng** kết quả miễn thi đối với môn thi ngoại ngữ trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025; **không sử dụng** điểm thi trong Kỳ thi THPT quốc gia, Kỳ thi tốt nghiệp THPT các năm trước đó để xét tuyển; **không quy đổi** các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thành điểm môn ngoại ngữ để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển.

II. Tổ hợp môn, thang điểm và cách thức tính điểm xét tuyển

- a) Tổ hợp môn (*gồm Tổ hợp của các môn trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và Tổ hợp của các môn cấp THPT đã được quy đổi điểm tương đương*) dùng để xét tuyển bao gồm 03 môn, trong đó phải có môn Toán hoặc môn Ngữ văn;
- b) Thang điểm xét tuyển: điểm xét tuyển theo thang điểm 30;
- c) Cách thức tính điểm xét tuyển (sau đây viết tắt ĐXT):

$\text{ĐXT} = \text{điểm Tổ hợp môn} + \text{điểm cộng (nếu có)} + \text{điểm ưu tiên (nếu có)}$
--

Trong đó:

- Điểm cộng: chỉ áp dụng đối với thí sinh xét tuyển theo Phương thức 2;
- Điểm ưu tiên (theo khu vực và/hoặc theo đối tượng chính sách): được xác định theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

III. Ngành đào tạo, mã ngành đào tạo, Tổ hợp môn xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Ngành đào tạo trình độ đại học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển/ mã Tổ hợp môn	Chỉ tiêu
1.	Ngôn ngữ Anh (<i>chuyên ngành tiếng Anh pháp lý</i>)	7220201	1. Ngữ văn, Toán, tiếng Anh: D01 2. Ngữ văn, Lịch sử, tiếng Anh: D14 3. Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, tiếng Anh: X78 4. Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, tiếng Anh: X25	200
2.	Luật	7380101	1. Toán, Vật lý, Hóa học: A00 2. Toán, Vật lý, tiếng Anh: A01 3. Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (D01 : tiếng Anh, D03 : tiếng Pháp, D06 : tiếng Nhật) 4. Toán, Ngữ văn, Giáo dục KT và PL: X01 5. Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Ngoại ngữ (X25 : tiếng Anh, X33 : tiếng Pháp, X45 : tiếng Nhật) 6. Ngữ văn, Giáo dục KT và PL, Ngoại ngữ (X78 : tiếng Anh, X86 : tiếng Pháp, X98 : tiếng Nhật) 7. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý: C00	1.800
3.	Luật thương mại quốc tế	7380109	1. Toán, Vật lý, tiếng Anh: A01 2. Toán, Ngữ văn, tiếng Anh: D01 3. Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật: X01 4. Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, tiếng Anh: X25 5. Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, tiếng Anh: X78	350
4.	Quản trị - Luật	7340102	1. Toán, Vật lý, Hóa học: A00 2. Toán, Vật lý, tiếng Anh: A01 3. Toán, Hóa học, tiếng Anh: D07 4. Toán, Ngữ văn, tiếng Anh: D01 5. Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật: X01 6. Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, tiếng Anh: X25	500
5.	Quản trị kinh doanh	7340101	1. Toán, Vật lý, Hóa học: A00 2. Toán, Vật lý, tiếng Anh: A01 3. Toán, Hóa học, tiếng Anh: D07 4. Toán, Ngữ văn, tiếng Anh: D01 5. Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật: X01 6. Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, tiếng Anh: X25	300
6.	Kinh doanh quốc tế	7340120	1. Toán, Vật lý, Hóa học: A00 2. Toán, Vật lý, tiếng Anh: A01 3. Toán, Hóa học, tiếng Anh: D07 4. Toán, Ngữ văn, tiếng Anh: D01 5. Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật: X01 6. Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, tiếng Anh: X25	100

Stt	Ngành đào tạo trình độ đại học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển/ mã Tổ hợp môn	Chỉ tiêu
7.	Tài chính - Ngân hàng	7340201	1. Toán, Vật lý, Hóa học: A00 2. Toán, Vật lý, tiếng Anh: A01 3. Toán, Hóa học, tiếng Anh: D07 4. Toán, Ngữ văn, tiếng Anh: D01 5. Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật: X01 6. Toán, Giáo dục kinh tế và pháp luật, tiếng Anh: X25	100

Nơi nhận:

- Hội đồng trường; Ban Giám hiệu (*để biết*);
- Các phòng, khoa, trung tâm, viện trong Trường (*để thực hiện*);
- Lưu: VT, P.ĐTĐH, D.15.

**HIỆU TRƯỞNG****Lê Trường Sơn**